TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-KDTM	*Thuận Thành, ngày 18 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 211 và Điều 213của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2018về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2016/ TLST- KDTM ngày 16 tháng 03 năm 2016; Thụ lý lại ngày 18/10/2017..

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T
Địa chỉ: Số 108 T – quận H – thành phố H
Người đại diện theo uỷ quyền:
1. Bà Lê Thị Ng – Phó giám đốc Ngân hàng T chi nhánh B
2. Ông Nguyễn Đức T- Phó giám đốc Ngân hàng T chi nhánh B
3. Bà Nguyễn Thị H – Trưởng phòng tổng hợp Ngân hàng T chi nhánh B
4. Bà Đỗ Thị Hồng L – Trưởng phòng bán lẻ Ngân hàng T chi nhánh B
5. Ông Nguyễn Tuấn C – Trưởng phòng KHDN Ngân hàng T chi nhánh B

Đều địa chỉ: Số 31 Ng – phường S – thành phố B – tỉnh B

Bị đơn*:* Anh Nguyễn Đắc M SN 1978
Chị Lê Thị Ng SN 1978

Đều địa chỉ: Thôn Ch - xã A – huyện Th – tỉnh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Anh Nguyễn Quang Th SN 1962

Chị Nguyễn Thị Ph SN 1965

Đều địa chỉ: Xóm B – xã M – huyện Th – tỉnh B

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Nguyễn Đắc M và chị Lê Thị Ng có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng T chi nhánh B tổng số tiền nợ gốc và lãi yinhs đến ngày 10/01/2018 là **656.067.000** đồng (Sáu trăm năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn đồng)

Nợ gốc là: 486.167.000 đồng

Tiền lãi trong hạn là: 115.600 đồng

Lãi phạt là 54.300.000 đồng

Phương án trả nợ:

Tháng 01/2018 anh M, chị Ng có trách nhiệm trả Ngân hàng T chi nhánh B số tiền là 20.000.000 đồng

Tháng 02/2018 anh M, chị Ng có trách nhiệm trả Ngân hàng T chi nhánh B số tiền là 80.000.000 đồng

Tháng 03/2018 anh M, chị Ng có trách nhiệm trả Ngân hàng T chi nhánh B số tiền là 100.000.000 đồng

Tháng 04/2018 anh M, chị Ng có trách nhiệm trả Ngân hàng T chi nhánh B số tiền là 100.000.000 đồng

Tháng 05/2018 anh M, chị Ng có trách nhiệm trả Ngân hàng T chi nhánh B số tiền là 100.000.000 đồng

Tháng 06/2018 anh M, chị Ng có trách nhiệm trả Ngân hàng T chi nhánh B số tiền là 86.000.000 đồng

Trong quý 3/2018 anh M, chị Ng có trách nhiệm trả Ngân hàng T chi nhánh B số tiền lãi trong hạn là 115.600.000 đồng, lãi phạt là 54.300.000 đồng và lãi phát sinh đến ngày trả hết nợ gốc(gồm lãi trong hạn và lãi phạt). Riêng số tiền lãi phạt nếu anh M, chị Ng thực hiện đúng cam kết thì Ngân hàng sẽ xem xét đề nghị cấp trên miễn giảm.

Trường hợp anh M, chị Ng vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào, Ngân hàng có quyền đề nghị xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo số 29/HĐTC ngày 22/3/2013 cụ thể tại thửa đất số 413 tờ bản đồ số 05 có diện tích là 165 m2 mang tên Nguyễn Quang Th và bà Nguyễn Thị Ph ở tại Xóm B – xã M – huyện Th – tỉnh B để thu hồi toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh.

Trong thời gian trả nợ gốc thì anh M, chị Ng vẫn tiếp tục thanh toán số lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tương ứng với số tiền chưa thanh toán.

Về án phí: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ng và và bị đơn anh M, chị Ng thỏa thuận anh M, chị Ng phải chịu 15.121.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm hai mươi mốt nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại Ngân hàng T số tiền 12.366.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm sáu mươi sau nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 00511 ngày 16/3/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ngy sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- *TAND tỉnh*
- *VKSND huyện;*
- *Chi cục T.H.A DS huyện;*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS.*

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Huy Tuấn